

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-5-2020

V/v Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan

2. Bà Lương Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Như Quỳnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1987; địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

b/ Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm: 1989; địa chỉ: thôn V 3, xã Đ T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Minh T1 sống chung từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, hai người sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp. Nay bà T thấy tình cảm hai bên không còn nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Lê Minh T1 là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Trí N, sinh ngày: 25/01/2016. Nay bà T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn, ông Lê Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: các đương sự không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Minh T1 là vợ chồng. Về con chung đề nghị giao cháu Lê Trí N, sinh ngày 25/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Lê Minh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T và bị đơn ông Lê Minh T1. Bị đơn có HKTT tại địa chỉ: thôn V 3, xã Đ T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn ông Lê Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 BLTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Minh T1 không có đăng ký kết hôn là trái pháp luật nên căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ của bà T, ông T1 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T: Không công nhận bà Nguyễn

Thị Mỹ T và ông Lê Minh T1 là vợ chồng, Hội đồng xét xử sẽ xem xét về quyền, nghĩa vụ đối với con chung của ông bà.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên là Lê Trí N, sinh ngày 25/01/2016.

Hiện cháu Nguyên đang sống cùng mẹ. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không T1hể xem xét ý kiến của ông được. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật HN&GD thống nhất giao cháu Lê Trí N, sinh ngày 25/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật HN&GD; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Minh T1 là vợ chồng.

2/ Về con chung:

Giao con chung là Lê Trí N, sinh ngày 25/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu ông Lê Minh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002235 ngày 05/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án của Tòa gửi đến.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân